

Số: 124/QĐ-PEK

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc cấp học bổng đầu cấp dành cho khối 6, khối 10**  
**Năm học 2026 - 2027**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG - TIỂU HỌC PÉTRUS KÝ**

*Căn cứ Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 10/6/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc cho phép thành lập Trường Trung - Tiểu học Pétrus Ký;*

*Căn cứ Quyết định số 119/QĐ-HĐT ngày 20/6/2024 của Hội đồng Trường Trung - Tiểu học Pétrus Ký ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường hệ thống trường Pétrus Ký;*

*Căn cứ thông báo số 129/TB-PEK ngày 13/5/2026 của Hiệu trưởng Trường Trung - Tiểu học Pétrus Ký về tiêu chí xét học bổng học sinh đầu cấp khối 6, khối 10 năm học 2026 - 2027;*

*Căn cứ kết quả xét duyệt học bổng đầu cấp cho học sinh khối 6 và học sinh khối 10 năm học 2026 - 2027 của Ban tuyển sinh trung học năm học 2026 - 2027;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là danh sách cấp học bổng đầu cấp cho 21 học sinh khối 6 và 25 học sinh khối 10 năm học 2026 - 2027.

Tổng giá trị học bổng: **355.300.000 đồng.**

Học bổng học phí chỉ áp dụng cho học sinh tham gia theo học tại Trường Trung - Tiểu học Pétrus Ký và không có giá trị quy đổi thành tiền mặt, được giảm trừ vào tiền học phí hằng tháng của học sinh năm học 2026 - 2027 (tiền giảm trừ học phí hằng tháng bằng giá trị học bổng được cấp chia cho số tháng thực học trong năm tính từ ngày ký quyết định cấp học bổng).

**Điều 2.** Hình thức khen thưởng và thực hiện: Tổ chức vinh danh, trao học bổng trong Lễ khai giảng năm học 2026 - 2027.

**Điều 3.** Các thành viên Hội đồng Thi đua, khen thưởng, tổ văn phòng cơ sở 2, 3 và học sinh có tên tại Điều 1, chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Hội đồng trường (thay b/c);
- Kế toán trường;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG**  
**TRUNG - TIỂU HỌC**  
**PÉTRUS KÝ**  
**Phạm Ngọc Nam**



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRƯỜNG TRUNG - TIỂU HỌC**  
**PÉTRUS KÝ**

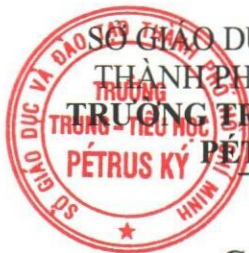
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**DANH SÁCH**  
**CẤP HỌC BỔNG DÀNH CHO HỌC SINH ĐẦU CẤP KHỐI 6**  
**NĂM HỌC 2026 - 2027**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số <sup>124</sup>124/QĐ-PEK ngày <sup>17</sup>17 / 8 /2026 của Hiệu trưởng trường Trung – Tiểu học Pétrus Ký)*

| Stt                   | Mã học sinh | Họ và tên             | Lớp  | Giá trị học bổng (VNĐ) |
|-----------------------|-------------|-----------------------|------|------------------------|
| 1                     | CP-004689   | Lê Hoàng Yến          | 6.9  | 6,800,000              |
| 2                     | CP-005051   | Đào Diệp Tú Linh      | 6.10 | 6,800,000              |
| 3                     | CP-004349   | Nguyễn Ngọc Linh Đan  | 6.10 | 6,800,000              |
| 4                     | CP-004716   | Trương Phạm Bảo Ngọc  | 6.10 | 6,800,000              |
| 5                     | CP-003552   | Nguyễn Thùy Ngân Châu | 6.10 | 6,800,000              |
| 6                     | CP-004822   | Lê Duy Gia Long       | 6.10 | 6,800,000              |
| 7                     | CP-004874   | Nguyễn Đoàn Nhật Nam  | 6.10 | 6,800,000              |
| 8                     | CP-004846   | Lê Thị Kim Ngân       | 6.10 | 6,800,000              |
| 9                     | CP-004694   | Mai Thiện Nhân        | 6.10 | 6,800,000              |
| 10                    | CP-004852   | Phạm Quỳnh Như        | 6.10 | 6,800,000              |
| 11                    | CP-004711   | Đặng Lê Thanh Tâm     | 6.10 | 6,800,000              |
| 12                    | CP-008205   | Đỗ Phạm Hoàng Phúc    | 6.10 | 6,800,000              |
| 13                    | CP-004772   | Mai Khánh An          | 6.11 | 6,800,000              |
| 14                    | CP-004860   | Văn Nguyễn Quỳnh Nhi  | 6.11 | 6,800,000              |
| 15                    | CP-005233   | Hoàng Thu Huyền       | 6.11 | 6,800,000              |
| 16                    | CP-004901   | Mai Bình An           | 6.11 | 6,800,000              |
| 17                    | CP-003583   | Phạm Nguyễn Bảo Anh   | 6.11 | 6,800,000              |
| 18                    | CP-004812   | Nguyễn Ngọc Lâm Anh   | 6.11 | 6,800,000              |
| 19                    | CP-004934   | Cheng Duật Thần       | 6.11 | 6,800,000              |
| 20                    | CP-008320   | Nguyễn Khánh An       | 6.11 | 6,800,000              |
| 21                    | CP-008362   | Lê Phước Trí          | 6.11 | 6,800,000              |
| <b>Tổng cộng (1):</b> |             |                       |      | <b>142.800.000</b>     |

*Danh sách học bổng đầu cấp khối 6 có 21 học sinh./.*



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRƯỜNG TRUNG - TIỂU HỌC**  
**PÉTRUS KÝ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**DANH SÁCH**  
**CẤP HỌC BỔNG DÀNH CHO HỌC SINH ĐẦU CẤP KHỐI 10**  
**NĂM HỌC 2026 - 2027**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 124/QĐ-PEK ngày 17/8/2026 của Hiệu trưởng trường Trung – Tiểu học Pétrus Ký)*

| Stt                   | Mã học sinh | Họ và tên                     | Lớp   | Giá trị học bổng (VNĐ) |
|-----------------------|-------------|-------------------------------|-------|------------------------|
| 1                     | CP-005643   | Cao Minh Tiến                 | 10.1  | 8,500,000              |
| 2                     | CP-004096   | Nguyễn Từ Hiếu Thảo           | 10.2  | 8,500,000              |
| 3                     | CP-007051   | Lương Minh Tuấn               | 10.2  | 8,500,000              |
| 4                     | CP-003044   | Trần Lê Thiên Phú             | 10.3  | 8,500,000              |
| 5                     | CP-005983   | Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc       | 10.3  | 8,500,000              |
| 6                     | CP-001537   | Nguyễn Ngọc An Nhiên          | 10.5  | 8,500,000              |
| 7                     | CP-005762   | Ngô Tiến Huy                  | 10.5  | 8,500,000              |
| 8                     | CP-005917   | Lê Thanh Phương               | 10.5  | 8,500,000              |
| 9                     | CP-001379   | Trần Gia Nghĩa                | 10.5  | 8,500,000              |
| 10                    | CP-005646   | Ngô Bảo Hoàng                 | 10.6  | 8,500,000              |
| 11                    | CP-006560   | Trần Hoàng Duy                | 10.7  | 8,500,000              |
| 12                    | CP-007769   | Nguyễn Hồng Ngân              | 10.7  | 8,500,000              |
| 13                    | CP-005796   | Đỗ Hoàng An                   | 10.7  | 8,500,000              |
| 14                    | CP-001998   | Nguyễn Phúc Thịnh             | 10.7  | 8,500,000              |
| 15                    | CP-005265   | Lê Thị Diệu Hằng              | 10.7  | 8,500,000              |
| 16                    | CP-005908   | Võ Thị An Bình                | 10.7  | 8,500,000              |
| 17                    | CP-003043   | Nguyễn Phạm Xuân Phước        | 10.7  | 8,500,000              |
| 18                    | CP-006150   | Trần Ngọc Như Tuyết           | 10.7  | 8,500,000              |
| 19                    | CP-005673   | Trần Ngọc Trúc Quân           | 10.7  | 8,500,000              |
| 20                    | CP-006074   | Cao Nguyễn Thái Sơn           | 10.8  | 8,500,000              |
| 21                    | CP-005676   | Nguyễn Mai Vy                 | 10.8  | 8,500,000              |
| 22                    | CP-005767   | Welisarage Sethmi An Fernando | 10.9  | 8,500,000              |
| 23                    | CP-005050   | Phan Tấn Khang                | 10.11 | 8,500,000              |
| 24                    | CP-006029   | Lê Xuân Nghiêm                | 10.11 | 8,500,000              |
| 25                    | CP-007899   | Nguyễn Phan Minh Anh          | 10.11 | 8,500,000              |
| <b>Tổng cộng (2):</b> |             |                               |       | <b>212.500.000</b>     |

*Danh sách học bổng đầu cấp khối 10 có 25 học sinh./.*